

Bản án số: 1565/2022/DS-ST
Ngày: 06/5/2022
V/v Tranh chấp về Hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước;
2. Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2020/TLST- DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1196/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn số 2079/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* QTDĐSG

Địa chỉ: Kios số 10-11 TTCC R7, KTĐC 38.4ha, KP3, đường D1, phường BK, Quận H (nay là khu phố 7, đường ATCC, phường AK, thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông TNT– Địa chỉ: Ấp PT A, xã PL, huyện PT, tỉnh AG – Địa chỉ liên hệ: số 18/17 đường số CB, phường AK, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh - là Người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 24/GUQ-ĐSG lập ngày 26/02/2020) (có đơn xin mặt)

2. *Bị đơn:*

Bà NTXL – Sinh năm: 1956 (vắng mặt)

Ông HNT – Sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 2/9C BK 2, phường BA, Quận H (nay là phường AK, thành phố TĐ), Thành Phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, QTĐĐSG do ông TNT là Người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 02/02/2019, bà NTXL và ông HNT ký kết Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-ĐSG với QTĐĐSG để vay số tiền 50.000.000đồng; lãi suất cho vay do 02 bên thỏa thuận tại hợp đồng là 13,2%/năm (tương đương 1,1%/tháng); thời hạn vay là 01 năm từ ngày 02/02/2019 đến ngày 02/02/2020; phương thức thanh toán là trả lãi hàng tháng và trả gốc cuối kỳ; mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, QTĐĐSG đã giao đủ tiền vay cho bà XL và ông NT nhưng tính đến ngày 03/02/2020, bà XL và ông NT chỉ trả được tiền gốc 3.000.000đồng và không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Ngày 20/3/2020, QTĐĐSG nộp Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân buộc bà XL và ông NT trả lại cho QTĐĐSG số tiền nợ gốc là 47.000.000đồng, lãi trong hạn tính đến ngày 01/02/2020 là 568.000 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 25/02/2020 là 950.000đồng; tiền lãi tiếp tục được tính theo hợp đồng các bên đã cam kết cho đến khi bà XL và ông NT thực hiện nghĩa vụ tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà XL và ông NT đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông NT không đến, ngày 05/11/2021 bà Lan có Bản tự khai xác nhận có vay tiền của nguyên đơn nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa thể trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn trình bày tính đến ngày 06/5/2022, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 47.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 527.000đồng, tiền lãi quá hạn là 21.009.000đồng, tổng cộng là 68.536.000đồng

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn không đến Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; tuy nhiên có vi phạm về thời gian chuẩn bị xét xử vụ án; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

QTDĐSG khởi kiện yêu cầu bà NTXL và ông HNT trả lại số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-ĐSG ngày 02/02/2019; tại thời điểm QTDĐSG nộp đơn khởi kiện, bà XL và ông NT thường trú tại Quận H (nay là thành phố TPĐ). Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đây là vụ án “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Bị đơn bà NTXL và ông HNT đã được Tòa án tổng đạt các văn bản của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các bị đơn.

[1.3] Về xác định người tham gia tố tụng:

- Tại các buổi làm việc, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn chỉ yêu cầu bà XL và ông NT thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ tại Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-ĐSG, ngoài bà XL và ông NT, nguyên đơn không yêu cầu cá nhân nào cùng chịu trách nhiệm. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự “...Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đó, Hội đồng xét xử xác định là chỉ có bà XL và ông NT là bị đơn của vụ án, vụ án không có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] QTDĐSG khởi kiện bà XL và ông NT, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà XL và ông NT đến Tòa để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án nhưng ông NT vẫn không đến, bà XL đến Tòa án vào ngày 05/11/2021 nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ do QTDĐSG giao nộp để giải quyết vụ án

[2.2] QTDĐSG yêu cầu bà XL và ông NT phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-SG ngày 02/02/2019 tính đến ngày 06/5/2022 là 47.000.000đồng

Tại Bản tự khai ngày 05/11/2021 của bà NTXL, bà Lan xác nhận có việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-ĐSG ngày 02/02/2019 nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà Lan đã không thể trả số nợ.

Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-SG thỏa thuận QTDĐSG cho bà XL và ông NT vay số tiền 50.000.000đồng và bà XL và ông NT xác nhận có nợ QTDĐSG số tiền nêu trên tại Khế ước nhận nợ số 056-2019/KUNN-ĐSG ngày 02/02/2019 với mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Tại Bảng tổng hợp số tiền khách hàng còn phải thanh toán đối với bà XL và ông NT, QTDĐSG xác định số tiền nợ gốc đã trả là 3.000.000đồng, còn thiếu là 47.000.000đồng. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015, yêu cầu khởi kiện của QTDĐSG là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] QTDĐSG yêu cầu bà XL và ông NT phải trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-SG ngày 15/7/2019 tính đến ngày 06/5/2022 tổng cộng là 21.536.000đồng

Theo Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-ĐSG ngày 02/02/2019, các bên thỏa thuận mức lãi suất vay là 13,2%/năm (tương đương 1,1%/tháng); mức lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Căn cứ khoản 6 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng số 056-2019/HĐTD-ĐSG, do đó tính đến ngày 06/5/2022, số tiền lãi trong hạn bà XL và ông NT phải trả là 527.000đồng, số tiền lãi quá hạn bà XL và ông NT phải trả là 21.009.000đồng.

Từ [2.2] và [2.3], tổng số tiền bà XL và ông NT phải trả cho QTDĐSG tính đến ngày 06/5/2022 là 68.536.000đ (Sáu mươi tám triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn đồng)

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà XL và ông NT có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự là $68.536.000\text{đồng} \times 5\% = 3.426.800\text{đ}$ (Ba triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm đồng)

QTDĐSG không phải nộp án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức được Hội đồng xét xử xem xét như nhận định trên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn QTDĐSG là buộc bà NTXL và ông HNT có trách nhiệm liên đới trả cho QTDĐSG số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-ĐSG ngày 02/02/2019 là 47.000.000đồng; tính đến ngày 06/5/2022, tiền lãi trong hạn là 527.000đồng, tiền lãi quá hạn là 21.009.000đồng; tổng cộng tính đến ngày 06/5/2022 là 68.536.000đ (Sáu mươi tám triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 056-2019/HĐTD-ĐSG ngày 02/02/2019 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà NTXL và ông HNT có trách nhiệm liên đới nộp án phí là 3.426.800đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm đồng)

- QTDĐSG không phải nộp án phí; trả lại cho QTDĐSG số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.212.950đ (Một triệu hai trăm mười hai ngàn chín trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027574 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ Bản án.

Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Hải Quỳnh Anh

